TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2024
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị An.

2. Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về "*Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: tổ E, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Công B**, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: số nhà C, đường A, khu phố H, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi làm việc: Số C, V, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Công B tự nguyện tìm hiểu, đăng kết hôn vào ngày 18/3/2002 tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Kim T, sinh ngày 14/01/2003, hiện con T đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không đi vay chung và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 22/8/2024, bị đơn anh Trần Công B*** trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung như chị H trình bày. Vợ chồng anh chung sống được một thời gian thì mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề con cái và kinh tế gia đình, sau đó anh chán nản nên bỏ vào M để lập nghiệp vợ chồng ly thân hơn 10 năm nay. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung do con đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên anh không đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng. Về tài sản: vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không đi vay chung và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****** *Biên bản lấy lời khai của bà Trương Thị H1 – mẹ đẻ chị H thể hiện:* Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung như chị H trình bày. Từ năm 2008 chị H về nhà bà ở vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Gia đình bà có hoà giải, động viên nhưng vợ chồng không đoan tụ được. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết chi anh chị ấy được ly hôn vì vợ chồng không đoàn tụ được nữa. Anh B, chị H không có tài sản chung không có nợ chung.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H và anh B được thuận tình ly hôn. Về quan hệ con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là Trần Kim T, sinh ngày 14/01/2003, hiện nay con T đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh nhưng nguyên đơn và bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là nơi nguyên đơn cư trú giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn 10 năm nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận cho chị H và anh B được thuận tình ly hôn.

[4] Về quan hệ con cái: Chị H và anh B có 01 con chung là Trần Kim T, sinh ngày 14/01/2003, hiện nay con T đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành, tự lập về kinh tế, không ai yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H và anh Trần Công B được thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Trần Công B có 01 con chung là Trần Kim T, sinh ngày 14/01/2003, hiện nay con T đã trưởng thành, tự lập về kinh tế, nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001364 ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị Phạm Thị H được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trần Công B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;*
- *Uỷ ban nhân dân phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 18/3/2002);*
- *Chi cục THADS thành phố Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương